TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 12-Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương

Tháng 12 năm 2018

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	BHTT	Thuế TN	Trừ tiền ăn	Tham quan			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**96**		**41.047.000**			**2.430.000**	**0,30**	**417.000**	**43.894.000**	**2.337.700**	**438.300**	**292.200**	**438.900**	**220.000**	**800.000**	**2.000.000**			**6.527.100**	**37.366.900**	
1	HL-00027	Trần Hoàng Dương	Trưởng phòng	6.948.000	24	A	12.952.000						12.952.000	555.800	104.200	69.500	129.500	55.000	200.000	2.000.000			3.114.000	9.838.000	
2	HL-00028	Đặng Thị Miều	Phó phòng	8.060.000	24	A	9.833.000			1.215.000			11.048.000	644.800	120.900	80.600	110.500	55.000	200.000				1.211.800	9.836.200	
3	HL-00029	Nguyễn Văn Thỏa	Phó phòng	6.511.000	24	A	9.131.000			1.215.000	0,30	417.000	10.763.000	520.900	97.700	65.100	107.600	55.000	200.000				1.046.300	9.716.700	
4	HL-03444	Nguyễn Hoài An	Phó phòng	7.702.000	24	A	9.131.000						9.131.000	616.200	115.500	77.000	91.300	55.000	200.000				1.155.000	7.976.000	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**448**		**122.303.000**	**22**	**4.398.191**	**1.620.000**			**128.321.191**	**8.718.300**	**1.634.900**	**1.089.900**	**1.283.500**	**1.045.000**	**3.800.000**		**28.600**	**2.800.581**	**20.400.781**	**107.920.410**	
5	HL-00197	Hoàng Văn Chính	Chuyên viên	7.151.000	24	A	6.437.000						6.437.000	572.100	107.300	71.500	64.400	55.000	200.000				1.070.300	5.366.700	
6	HL-00030	Đặng Văn Tuyên	Chuyên viên	5.677.000	24	A	6.437.000						6.437.000	454.200	85.200	56.800	64.400	55.000	200.000				915.600	5.521.400	
7	HL-00077	Đoàn Duy Kháng	Chuyên viên	5.960.000	23	A	6.437.000	4	916.923	810.000			8.163.923	476.800	89.400	59.600	81.600	55.000	200.000				962.400	7.201.523	
8	HL-00455	Nguyễn Thị Bích Hà	Chuyên viên	5.677.000	24	A	6.437.000						6.437.000	454.200	85.200	56.800	64.400	55.000	200.000				915.600	5.521.400	
9	HL-02660	Lê Viết Quốc Anh	Chuyên viên	4.904.000	17	A	6.437.000	9	1.697.538				8.134.538	392.300	73.600	49.000	81.300	55.000	200.000		28.600		879.800	7.254.738	
10	HL-00088	Lê Bá Duy	Chuyên viên	5.960.000	24	A	6.437.000						6.437.000	476.800	89.400	59.600	64.400	55.000	200.000				945.200	5.491.800	
11	HL-01771	Nguyễn Hạnh Lâm	Chuyên viên	6.259.000	24	A	6.437.000						6.437.000	500.700	93.900	62.600	64.400	55.000	200.000			1.931.704	2.908.304	3.528.696	
12	HL-02627	Nguyễn Ngọc Hiếu	Chuyên viên	4.904.000	24	A	6.437.000	3	565.846				7.002.846	392.300	73.600	49.000	70.000	55.000	200.000				839.900	6.162.946	
13	HL-00318	Trần Thị Hải Ninh	Chuyên viên	5.960.000	24	A	6.437.000						6.437.000	476.800	89.400	59.600	64.400	55.000	200.000			868.877	1.814.077	4.622.923	
14	HL-01770	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên	5.677.000	24	A	6.437.000			810.000			7.247.000	454.200	85.200	56.800	72.500	55.000	200.000				923.700	6.323.300	
15	HL-03133	Vũ Hoàng Phúc	Chuyên viên	4.904.000	24	A	6.437.000						6.437.000	392.300	73.600	49.000	64.400	55.000	200.000				834.300	5.602.700	
16	HL-00480	Vũ Trọng Tiếng	Chuyên viên	5.406.000	24	A	6.437.000						6.437.000	432.500	81.100	54.100	64.400	55.000	200.000				887.100	5.549.900	
17	HL-03206	Nguyễn Văn Thịnh	Chuyên viên	5.149.000	24	A	6.437.000						6.437.000	411.900	77.200	51.500	64.400	55.000	200.000				860.000	5.577.000	
18	HL-05128	Nguyễn Văn Hiền	Chuyên viên	7.509.000	24	A	6.437.000						6.437.000	600.700	112.600	75.100	64.400	55.000	200.000				1.107.800	5.329.200	
19	HL-01923	Trần Trung Dũng	Chuyên viên	5.406.000	24	A	6.437.000						6.437.000	432.500	81.100	54.100	64.400	55.000	200.000				887.100	5.549.900	
20	HL-03523	Đinh Việt Hà	Chuyên viên	5.960.000	24	A	6.437.000						6.437.000	476.800	89.400	59.600	64.400	55.000	200.000				945.200	5.491.800	
21	HL-00166	Mã Thành Trung	Chuyên viên	5.406.000	24	A	6.437.000	3	623.769				7.060.769	432.500	81.100	54.100	70.600	55.000	200.000				893.300	6.167.469	
22	HL-00193	Lê Thị Hải Yến	Chuyên viên	5.960.000	24	A	6.437.000						6.437.000	476.800	89.400	59.600	64.400	55.000	200.000				945.200	5.491.800	
23	HL-02703	Nguyễn Trung Đức	Chuyên viên	5.149.000	24	A	6.437.000	3	594.115				7.031.115	411.900	77.200	51.500	70.300	55.000	200.000				865.900	6.165.215	
Tổng cộng					**544**		**163.350.000**	**22**	**4.398.191**	**4.050.000**	**0,30**	**417.000**	**172.215.191**	**11.056.000**	**2.073.200**	**1.382.100**	**1.722.400**	**1.265.000**	**4.600.000**	**2.000.000**	**28.600**	**2.800.581**	**26.927.881**	**145.287.310**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 1 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**